

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 04-01-2018

V/v : tranh chấp HĐDS mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Võ Văn Tám.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Phú Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2017, về: “ *Tranh chấp* hợp đồng dân sự mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2017/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị T, sinh năm 1965. Cư trú ấp PT, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang. Do anh Phạm Chí T, sinh năm 1991. Cư trú ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền. Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 10-7-2017 (bút lục các số 14 và 15).

- *Bị đơn:* Chị Biện Thị Kim D, sinh năm 1960. Cư trú ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. Do anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1967. Cư trú ấp M L, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền. Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 23-5-2017 (bút lục các số 12 và 13).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1982. Cư trú ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Trúc L là Luật sư Phạm Thái B - Văn phòng luật sư TB, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

+ Chị Trương Thị G, sinh năm 1963. Cư trú ấp PĐB, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1982. Cư trú ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Anh Nguyễn Trí H, sinh năm 1972. Cư trú tổ 10, ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1980. Cư trú ấp PT, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1968. Cư trú ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Anh Trương Minh Đ, sinh năm 1968. Cư trú ấp TT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Anh Lê Minh Đ. sinh năm 1959. Cư trú ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Chị Phan Thị Huỳnh H, sinh năm 1987. Cư trú ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1965. Cư trú ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

Các đương sự và người làm chứng có mặt đầy đủ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện các ngày 19-4-2017, ngày 30-5-2017; bản tự khai ngày 04-5-2017; biên bản hòa giải các ngày 06-7-2017, 25-8-2017, 14-11-2017; biên bản đối chất các ngày 25-8-2017, 14-11-2017; thì anh Phạm Chí T đại diện theo ủy quyền cho chị Đặng Thị T trình bày:

- Vào ngày 21-3-2017 chị D có mua 627 bao nếp đục = 32.941 kg x giá 6.900 đồng/kg = 227.292.900 đồng, có đặt cọc trước 5.000.000 đồng, còn 222.292.900 đồng sau khi nhận nếp sẽ trả dứt. Sau khi nhận đủ nếp bà D nói sẽ trả tiền, đòi nhiều lần bà D không trả còn thách thức nên chị T đã kiện và ban ấp T3 hòa giải bà D thừa nhận số tiền trên, nhưng nói chị T thiếu tiền chị L nên bà trả hết số tiền đó cho chị L. Nếu bà D không thừa nhận thì yêu cầu Tòa án xác minh những thành viên tham gia trong buổi hòa giải.

- Từ trước đến nay không có lần nào chị T kêu chị L mua nếp thiếu của chị Trúc L, đồng thời chị T cũng không có kêu chị G đưa số tiền 222.292.900 đồng cho

chị L để trả cho chị Trúc L. Vì vậy, chị D phải trả dứt điểm ngay số tiền 222.292.900đồng. không yêu cầu trả lãi.

2. Theo đơn bản tự khai ngày 22-5-2017; biên bản hòa giải các ngày 06-7-2017, 25-8-2017, 14-11-2017; biên bản đối chất các ngày 25-8-2017, 14-11-2017 thì anh Nguyễn Minh D đại diện theo ủy quyền cho chị Biện Thị Kim D trình bày:

- Vào ngày 21-3-2017 bà Trương thị G có đem mẫu nếp đến đưa cho bà D xem và bà D đồng ý mua giá 6.900 đồng/kg, số lượng 627 bao nếp đục = 32.941 kg x giá 6.900 đồng/kg = 227.292.900 đồng. Phía bà D đưa ngay cho bà G 5.000.000 đồng tiền cọc, qua ngày hôm sau bà D nhận đủ số nếp trên đây. Số tiền còn lại 222.292.900 đồng bà D trả cho bà G dứt điểm. Nhưng, bà T khởi kiện và vào ngày 19-4-2017 Ban nhân dân ấp T3 có lập biên bản hòa giải. Trong biên bản hòa giải có lời trình bày của Trương thị G nhưng không có chữ ký của chị G trong biên bản. Đồng thời phần cuối biên bản có các từ ***“ý kiến của Thủy: yêu cầu cô D phải trả tiền trong vòng 03 ngày, đúng đến ngày 22-4-2017. Còn cô D nói đến bữa 22-4-2017 là trả không được, cô T không chịu đề nghị chuyển đơn lên Tòa án”*** Như vậy, các từ này được ghi thêm và ghi sau khi ký tên biên bản, Vì vậy sau khi nhận biên bản photô thấy không đúng nên vào ngày 24-4-2017 bà D có gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn PM, đến ngày 28-4-2017 UBND thị trấn PM có văn bản trả lời số 303/UBND-TT về việc trả lời đơn khiếu nại của bà D với nội dung trả lời như sau: Qua xem xét kết quả báo cáo tổ hòa giải ấp T3 và kết quả xác minh thì việc phản ánh của bà Biện Thị Kim D cho rằng tổ hòa giải đã ghi thêm vào câu ***“cô D thừa nhận mua số nếp của chị T”*** tại phần trình bày của bà T và ghi chèn thêm hai hàng chữ cuối biên bản là chưa có cơ sở pháp lý. Công văn này được bà D nhận vào 04-5-2017 và bà D có ghi vào biên bản giao nhận công văn các từ : ***“không đồng ý vào phần trình bày của bà T vì tôi không có mua nếp của bà T, tôi chỉ mua nếp của bà G và bà G đã nhận tiền cọc của tôi”***. Sau khi nhận Công văn của UBND thị trấn PM trên đây thì bà D chưa có khiếu nại tiếp, như vậy bà D không có thiếu tiền mua nếp của bà T.

3.Theo đơn bản tự khai ngày 15-6-2017; biên bản hòa giải các ngày 06-7-2017, 25-8-2017, 14-11-2017; biên bản đối chất các ngày 25-8-2017, 14-11-2017 thì chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

- Việc mua bán nếp giữa bà G với bà D như thế nào thì tôi không biết, sau đó bà Trương Thị G và bà Lê Thị L nói cho tôi biết là bà D mua nếp của bà G số lượng 627 bao nếp đục = 32.941 kg x giá 6.900 đồng/kg = 227.292.900 đồng, bà D đưa cho bà G 5.000.000 đồng tiền cọc. Số tiền còn lại không biết bao nhiêu, bà G và bà L nói với tôi đến nhận số tiền 218.000.000 đồng từ việc trước đó bà T mua nếp

thiếu của tôi, vì vậy tôi đã nhận tiền đủ 218.000.000 đồng từ bà L đưa. Việc trước đó bà T có thiếu tiền mua nếp của tôi cụ thể như sau:

+ Ngày 21-11-2016 ă tôi bán cho bà T 10.150 kg nếp giống, giá 9.100đồng/kg = 92.365.000đồng và ngày 21-11-2017 bán 19.350kg nếp giống, giá 9.000đồng/kg = 174.150.000 đồng, Tổng cộng = 266.515.000 đồng. Hai lần mua bán trên đây tuy do tôi với bà T xác lập với nhau nhưng thông qua người môi giới là bà L, do đó bà L trực tiếp trả cho tôi 48.515.000 đồng, còn lại 218.000.000 đồng và sau đó bà L có trả dứt điểm số tiền này cho tôi. Phía dưới tờ giấy có ghi còn dư 4.292.000 đồng số tiền dư này không từ việc trả cho tôi còn dư mà dư từ việc bà G nhận tiền của bà D, vì khi bà G nhận tiền của bà D là 222.292.900 đồng nhưng chỉ trả cho tôi 218.000.000 đồng mới còn dư số tiền 4.292.000 đồng và bà L đã nhận lại số tiền này. Có tờ giấy tiêu đề “L di T lấy giống” trong đó phần của tôi viết bắt đầu từ các từ “L di T lấy giống đến các từ 266.515.000 đồng, còn lại bắt đầu các từ “L có trả L 48.515.000 đồng đến chữ ký của L” đều do L viết và lăng tay.

+ Theo tờ tường trình ngày 24-4-2017 của ông Nguyễn Trí H thì ông khẳng định có chở số nếp mà bà T đã mua của bà L trên đây từ kho của Trúc L đến lò sấy của ông Ba L.

+ Theo tờ tường trình (không ghi ngày tháng). Nội dung bà L tường trình có làm môi giới mua số lượng nếp trên đây của bà L cho bà T.

+ Theo bản tự khai ngày 22-5-2017 thì bà G khai có nhận số tiền mua bán nếp từ bà D 222.292.900 đồng và đưa lại cho bà L để bà L trả cho bà L mà trước đó bà T đã thiếu của bà L.

4.Theo bản tự khai ngày 22-5-2017; biên bản hòa giải các ngày 06-7-2017, 25-8-2017, 14-11-2017; biên bản đối chất các ngày 25-8-2017, 14-11-2017 thì chị Trương Thị G trình bày: Vào ngày 21-3-2017ă bà T có kêu bán 32.941kg nếp vò giá 6.900kg = 227.292.900 đồng và tôi đem mẫu nếp đó đến đưa cho bà D xem và bà D đồng ý mua số lượng và giá như trên đây. Bà D có đưa tiền cọc 5.000.000 đồng đưa cho bà T vì tôi là người chuyên hướng dẫn để mua nếp cho bà D để hưởng tiền cò và khi mua xem nếp của bà T thì tôi có nói là mua nếp dùm cho bà D để hưởng cò của bà D cho và tôi nói với bà D là mua nếp của bà T. Vì vậy, qua ngày hôm sau toàn bộ số nếp trên được chuyển về giao cho bà D tại nhà máy của bà D. Như vậy, số tiền còn lại bà D phải trả 222.292.900 đồng và vài ngày sau bà D đã đưa toàn bộ số tiền đó cho tôi để trả dùm cho bà T nhưng bà T điện thoại nói với tôi và nhờ tôi đưa hết số tiền đó cho bà L để trả số tiền trước đó mà bà T mua nếp thiếu của bà L vì vậy tôi đã đưa toàn bộ số tiền cho bà L. Riêng tiền cò được hưởng từ việc mua nếp của bà T thì bà D đã đưa cho tôi xong.**Yêu cầu:** Tuy

tôi có nhận số tiền 222.292.900 đồng của bà D để trả tiền nẹp cho bà T nhưng bà T kêu tôi đưa số tiền đó cho bà L và tôi đã đưa toàn bộ cho bà L nhận nên tôi không còn liên quan.

5. Theo biên bản hòa giải các ngày, 25-8-2017, 14-11-2017; biên bản đối chất các ngày 25-8-2017, 14-11-2017 thì chị Lê Thị L trình bày: Tôi với bà T, bà L và bà G không có họ hàng mà chỉ quen biết với nhau, vào ngày 21-01-2017 ả bà T kêu tôi mua nẹp giống của bà L để được tiền cò vì vậy mua 203 bao = 10.150 kg nẹp giống, giá 9.100đồng/kg = 92.365.000đồng và ngày 21-01-2017 mua 19.350kg nẹp giống, giá 9.000đồng/kg = 174.150.000 đồng, Tổng cộng = 266.515.000 đồng, Việc bà T nhờ tôi mua nẹp dùm bà L không có giấy tờ và người khác chứng kiến, sau khi mua, không nhớ ngày tháng năm nào bà T đưa cho tôi số tiền 48.515.000 và tôi đã trả số tiền này cho bà L; việc bà T đưa số tiền nêu trên không có giấy tờ và người khác chứng kiến; số tiền còn lại 218.000.000 đồng không nhớ vào thời gian nào bà T kêu tôi gặp bà G lấy tiền không nói lấy bao nhiêu và tôi gặp bà G đưa số tiền là 222.292.900 đồng lúc đó bà T không nói là lấy tiền gì của bà G. Vì vậy, tôi đã đưa bà L 218.000.000 đồng, còn thừa lại 4.292.900 đồng tôi giao lại cho bà T (không có giấy tờ và người khác chứng kiến). Tuy việc mua bán trên đây không có giấy tờ và người khác chứng kiến khi mua nẹp và trả tiền dứt điểm cho bà L nhưng tôi có ghi vào sổ của bà L bắt đầu các từ “L dì T lấy giống đến chữ ký L và lăng tay”. Yêu cầu: Tuy tôi có nhận số tiền 222.292.900 đồng từ bà G giao nhưng trong đó tôi đã đưa cho bà L số tiền 218.000.000 đồng mà trước đó bà T đã mua nẹp giống thiếu của bà L và số tiền còn lại 4.292.900 đồng tôi đã giao trả cho bà T đủ, Vì vậy tôi không còn liên quan.

6. Theo tờ tường trình ngày 14-11-2017; biên bản hòa giải các ngày, 25-8-2017, 14-11-2017; biên bản đối chất các ngày 25-8-2017, 14-11-2017 thì anh Nguyễn Trí H trình bày: Tôi với bà T, bà L không có họ hàng mà chỉ quen biết với nhau. Lần 01: tôi có vận chuyển số nẹp giống của bà T đã mua của bà L như sau: Ngày 21-11-2016 ả bà L điện thoại kêu tôi vận chuyển nẹp cho bà T là 203 bao = 10.150 kg nẹp giống, từ kho bà Trúc L đến lò sấy của ông ba L để giao số nẹp đó cho bà T mà trước đó bà T mua của bà L. Nhưng tôi chỉ nghe điện thoại vì tôi là chủ phương tiện vận chuyển chứ không trực tiếp vận chuyển, vì vậy sau khi nghe điện thoại của bà L tôi kêu tài xế tên Nguyễn Tấn T vận chuyển. Lần 02: ngày 21-01-2017 ả bà L kêu tôi vận chuyển số nẹp giống của bà L từ kho bà Trúc L đến lò sấy của ông ba L để giao cho bà T mà trước đó bà T mua của bà L, số lượng 19.350 kg nẹp giống và tôi trực tiếp vận chuyển số nẹp đó đến lò sấy của ông ba L, khi giao nẹp cho bà T không có giấy tờ nhưng có những người trực tiếp bốc vác của xe tải

như sau: Sự, Việt và 02 người nữa không biết tên. Cả 02 lần vận chuyển nẹp trên đây đều do chị T trả tiền công vận chuyển, tổng cộng 1.916.000 đồng (trong đó lần 01 là 659.000 đồng và lần 02 là 1.257.000 đồng). Lần thứ 01 do anh T vận chuyển vì vậy chị T trả tiền công vận chuyển số tiền 659.000 đồng; lần thứ 02 tôi vận chuyển vì vậy do tôi nhận tiền từ chị T đưa, không có giấy tờ hoặc người khác chứng kiến.

Yêu cầu: Tuy 02 lần giao nẹp của bà L cho bà T có tôi và tài xế của tôi nhưng đã giao đủ, vì vậy không còn liên quan. Theo biên bản hòa giải ngày 25-8-2017 thì tôi yêu cầu đến ngày 29-8-2017 tôi sẽ cung cấp họ tên địa chỉ của 04 người công đoàn của tôi cùng đi theo giao nẹp cho chị T nhưng từ đó đến nay tôi liên hệ nhiều lần nhưng họ thường xuyên vắng nhà nên không thể cung cấp được cho Tòa án.

7.Theo biên bản lấy lời khai ngày 10-11-2017; biên bản hòa giải ngày 14-11-2017 và biên bản đối chất ngày 14-11-2017 thì anh Nguyễn Tấn T trình bày: Tôi với anh H, chị Trúc L và chị T không có quan hệ họ hàng, tôi là người tài xế lái xe cho anh H vì vậy có nhiều lần anh H kêu tôi vận chuyển lúa nẹp cho người khác, trong đó vài lần anh H kêu tôi đến kho của chị L để vận chuyển nẹp của chị L đến kho của ông ba L giao cho chị T nhưng tôi không nhớ mỗi lần vào thời gian nào và số lượng bao nhiêu do chị T nhận, không có giấy tờ nhưng có những người công đoàn của anh H cùng theo tôi như: anh V và vài người nữa không biết họ và địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Lần thứ 01 do tôi vận chuyển vì vậy chị T trả tiền công vận chuyển số tiền 659.000 đồng do tôi nhận.

8.Theo biên bản lấy lời khai các ngày 03-8-2017, ngày 09-8-2017; biên bản hòa giải ngày 25-8-2017 và biên bản đối chất ngày 25-8-2017 thì các anh, chị Trịnh Văn M, Trương Minh Đ, Lê Minh Đ, Nguyễn Thành H, Phan Thị Huỳnh H đồng trình bày: chúng tôi là tổ hòa giải ấp T3, trong đó ông M là tổ trưởng và bà H là thư ký ghi biên bản; vào ngày 19-4-2017 sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của bà T đối với bà D về việc bán nẹp thì tổ hòa giải có mời: Bà T, bà D và bà G để lập biên bản hòa giải, nội dung hòa giải ghi trong biên bản. Sau khi hòa giải xong các đương sự có ký tên trong biên bản hòa giải riêng bà G có ký tên hay không thì không biết sau khi Tòa án mời làm việc thì phát hiện trong biên bản bà G chưa ký tên, nhưng thực tế có mặt bà G và có lời khai của bà G trong biên bản, sở dĩ không phát hiện bà G có ký tên hay không do lúc đó hòa giải quá giờ nên không để ý, bên cạnh đó bà D còn khiếu nại như sau :

- ***“ý kiến của T: yêu cầu cô D phải trả tiền trong vòng 03 ngày, đúng đến ngày 22-4-2017. Còn cô D nói đến bữa 22-4-2017 là trả không được, cô T không***

chịu để nghị chuyển đơn lên Tòa án". Các từ đó được ghi trước khi các đương sự ký tên trong biên bản vì biên bản đã hết nên ghi các từ nhỏ hơn chứ không phải ghi sau khi hòa giải.

- Phần trình bà của bà T trong biên bản hòa giải tại sao có lời thừa nhận của bà D với bà T. “cô D thừa nhận mua số nếp của chị T”

Hai nội dung khiếu nại trên đây đã được Chủ tịch UBND thị trấn PM trả lời về nội dung khiếu nại của bà D không có cơ sở pháp lý. Yêu cầu: Biên bản hòa giải 19-4-2017 của Ban nhân dân ấp T3, thị trấn PM là hoàn toàn đúng như nội dung của hôm hòa giải chứ không có ghi thêm 02 hàng cuối của biên bản hòa giải mà các đương sự ký tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1} Theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện ... Như vậy chị D bị chị T kiện thì chị là bị đơn.

{1.2} Theo biên bản hòa giải ngày 06-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục các số 139 và 140) thì chị Trương Thị G tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, nhưng chị G là người mua nếp dùm cho chị D để được hưởng tiền cò, vì vậy chị G không phải là người làm chứng mà là người liên quan, do đó theo thông báo số 31/2017/TB.TA ngày 10-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục số 146) thì chị G tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

{1.3} Vào ngày 26-12-2017 Tòa án nhân dân huyện PT nhận đơn yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Trúc L về việc yêu cầu chị T phải trả số tiền mua nếp thiếu 266.515.000đ thông qua chị Lê Thị L (cò mua bán nếp) để bù trừ vào số tiền 222.292.9000đ mà chị Biện Thị Kim D đã trả tiền mua nếp cho chị G (bút lục số 183). HĐXX xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự “ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và yêu cầu độc lập này có liên quan đến việc giải quyết vụ án thì có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này. Trường hợp yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận được giải quyết trong cùng một vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện ở vụ kiện khác và tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc

lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Đối chiếu các Điều luật trên cho thấy chị L chỉ có quyền yêu cầu độc lập trước khi mở phiên họp và hòa giải, nhưng đến ngày 26-12-2017 Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì vậy yêu cầu của chị không được chấp nhận trong vụ án này và chị có quyền khởi kiện ở vụ kiện khác.

{2} Về nội dung :

{2.1} Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Theo đơn khởi kiện (bút lục các số 07 và 08), bản tự khai (bút lục số 42), các biên bản hòa giải (bút lục các số 129, 130, 131, 137, 138, 139, 140, 176, 177, 178), các biên bản đối chất (bút lục các số 112, 113, 114, 179, 180) của Tòa án nhân dân huyện PT và biên bản hòa giải của ấp T3, thị trấn PM, PT (bút lục số 01) thì chị T kiện đòi chị D trả số tiền mua nếp còn thiếu 222.292.900đ. Theo các biên bản hòa giải và đối chất của Tòa án trên đây và bản tự khai (bút lục số 44) thì Tuy chị D khai số tiền mua nếp còn thiếu 222.292.900đ là mua của chị G và đã trả số tiền đó cho chị G, như vậy chị D thừa nhận số tiền mua nếp còn thiếu 222.292.900đ là thiếu chị G chứ không phải thiếu chị T, nhưng theo các biên bản hòa giải, biên bản đối chất của Tòa án và biên bản lấy lời khai (bút lục các số từ 50 đến 59) thì các thành viên tham gia hòa giải gồm các anh, chị Trịnh Văn M, Trương Minh Đ, Phan Thị Huỳnh H, Lê Minh Đ và Nguyễn Thành H đều khai khi hòa giải chị D thừa nhận thiếu tiền mua nếp là 222.292.900đ và chị T kêu đưa tiền trả cho chị L mà trước đó chị T đã nhờ chị L mua dùm cho tiền cò, đồng thời theo biên bản hòa giải ngày 19-4-2017 của tổ hòa giải (bút lục số 01) thì chị T yêu cầu phải trả số tiền trong vòng 03 ngày là ngày 22-4-2017, chị D cho rằng đến ngày 22-4-2017 là trả không được. HĐXX xét thấy Theo biên bản hòa giải trên, có các từ: “ Ý kiến cô T yêu cầu cô D phải trả tiền trong vòng 3 ngày đúng đến ngày 22-4-2017. Cô D nói đến bữa 22-4-2017 là trả không được. Cô T không chịu đề nghị chuyển đơn lên Tòa án”. Cũng tại biên bản hòa giải này chị D khai số tiền mua nếp thiếu chị T kêu trả cho chị L còn bao nhiêu thì gửi cô L để trả cho chị T và chị L khai chị đã nhận đủ số tiền 222.292.900đ trừ tiền cò 5.000.000đ từ chị D, chị T thiếu tiền của chị 218.000.000đ nên chị trừ. Như vậy tại biên bản này các bên đã thống nhất chị D còn thiếu số tiền mua nếp của chị T là 222.292.900đ, chỉ còn mâu thuẫn là số tiền đó sẽ trả cho người nào. HĐXX xét thấy dù trước đó chị T nếu có thiếu tiền mua nếp của chị L thì chị D cũng phải trả 222.292.900đ cho chị T và nếu chị T thiếu tiền chị L thì chị T sẽ trả cho chị L nếu không thỏa thuận được thì chị L có quyền khởi kiện chị T ở vụ án khác chứ không thể tự lấy tiền chị T bán nếp để trừ tiền chị T thiếu chị L trước đó, hơn nữa chị T không thừa nhận kêu chị L lấy tiền từ chị D để trả cho chị L,

vì vậy hai tranh chấp này hoàn toàn không liên quan lẫn nhau, chị D còn thiếu tiền mua nếp thì phải trả cho chị T, nếu chị L bán nếp cho chị T còn thiếu thì có quyền kiện chị T ở vụ án khác. Do đó yêu cầu của chị T là có cơ sở và buộc chị D phải trả cho chị T 222.292.900đ, đáng lẽ phải trả thêm số tiền lãi theo quy định tại khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự nhưng chị T không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.2} Theo biên bản hòa giải ngày 19-4-2017 của Tổ hòa giải (bút lục số 01) không có chữ ký của chị Trương thị G nhưng tại biên bản đối chất ngày 25-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục các số 112 đến 114) thì giữa các thành viên của tổ hòa giải và như: M, H, hai anh Đ, H với chị G thống nhất khai chị G có mặt từ khi hòa giải đến khi kết thúc và chị G thừa nhận lời khai trong biên bản hòa giải là đúng lời khai của chị nhưng sau khi kết thúc hòa giải không kêu chị ký tên và phía các thành viên hòa giải đều thừa nhận do hòa giải quá giờ nên không lưu ý chị G có ký tên hay không.

{2.3} Theo biên bản hòa giải ngày 06-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT (bút lục số các số 139, 140) thì anh D đại diện chị D khai Sau khi áp T3 hòa giải, chị D gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị trấn PM về việc tổ hòa giải tự ghi thêm phần cuối biên bản các từ: “Ý kiến cô T yêu cầu cô D phải trả tiền trong vòng 3 ngày đúng đến ngày 22-4-2017. Cô D nói đến bữa 22-4-2017 là trả không được. Cô T không chịu đề nghị chuyển đơn lên Tòa án”. Đến ngày 28-4-2017 UBND thị trấn PM có công văn số 303/UBND-TT (bút lục số 33) về việc trả lời đơn khiếu nại của bà D là chưa có cơ sở pháp lý và từ khi nhận công văn đến nay chưa khiếu nại tiếp. Đồng thời các anh M, hai anh Đ, anh H và chị H đều khai không có ghi thêm, hơn nữa phía chị D không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc tổ hòa giải đã ghi thêm các từ trên đây vào biên bản, do đó không có cơ sở chấp nhận.

{2.4} Chị D giao số tiền 222.292.900đ để trả cho chị L thì giữa chị với các chị L, G, L tự thỏa thuận với nhau, nếu không thành thì có quyền khởi kiện ở vụ án khác.

{2.5} Theo biên bản hòa giải ngày 25-8-2017 (bút lục các số 129, 130, 131) và biên bản đối chất ngày 25-8-2017 (bút lục các số 112, 113, 114) của Tòa án nhân dân huyện PT thì chị Lê thị L khai sau khi nhận 222.292.900đ, chị đưa cho chị L 218.000.000đ còn thừa 4.292.900đ đã giao lại cho chị T, nhưng theo biên bản đối chất trên đây thì anh Phạm Chí T đại diện chị T khai không thừa nhận, vì vậy không có cơ sở xem xét.

{3} Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận và chị D phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị T. Vì vậy chị phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

{4}Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT:

- Về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Chị T yêu cầu chị D trả 222.292.900đ là có cơ sở đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 68; khoản 2, Điều 73; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 201; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 430 và khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Buộc chị Biện Thị Kim D phải trả cho chị Đặng T 222.292.900đ (Hai trăm, hai mươi hai triệu, hai trăm, chín mươi hai ngàn, chín trăm đồng chẵn).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Chị Biện Thị Kim D phải chịu 11.115.000đ (Mười một triệu, một trăm mười lăm ngàn đồng chẵn).

- Chị Đặng Thị T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.557.000đ (năm triệu, năm trăm, năm mươi bảy ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0012978 ngày 20-4-2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng